TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**41/2021**/DS-ST
Ngày: **29/12/2021**
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Thu

2. Bà Lê Hải Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2021/TLST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Võ Thị Thu T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

* *Bị đơn*: Trần Thị Kiều P, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Phan Văn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Thu T trình bày:

Bà có tham gia chơi các dây hụi do bà Trần Thị Kiều P, ông Nguyễn Văn T làm chủ hụi. Các dây hụi bà tham gia cụ thể như sau:

Dây 1: hụi 1.000.000 đồng khui ngày 05/10/2018 âl, hụi khui mỗi tháng 1 lần, hụi 26 hụi viên. Trong dây hụi này bà tham gia 01 phần, hụi đã khui được 16 tháng, bà đóng được số tiền là 10.335.000 đồng.

Dây 2: hụi 500.000 đồng khui ngày 10/8/2018 âl, hụi khui mỗi tháng 1 lần, hụi 26 hụi viên. Trong dây hụi này bà tham gia 01 phần, hụi đã khui được 16 tháng, bà đóng được số tiền là 6.275.000 đồng.

Dây 3: hụi 1.000.000 đồng khui ngày 20/11/2017 âl, hụi khui mỗi tháng 1 lần, hụi 29 hụi viên. Trong dây hụi này bà tham gia 01 phần, hụi đã khui được 27 tháng, bà đóng được số tiền là 19.480.000 đồng.

Dây 4: hụi 1.000.000 đồng khui ngày 25/02/25019 âl, hụi khui mỗi tháng 1 lần, hụi 26 hụi viên. Dây hụi này bà có mua của bà P, ông T 02 phần, phần 1 với số tiền 12.500.000 đồng (của mẹ bà P), phần 2 với số tiền 15.040.000 đồng (của con bà P), do tin tưởng bà P nên bà mua mà không kiểm tra ngay lúc đó, đến khi bà P ngưng khui hụi bà có tìm gặp 02 người bán 02 phần hụi này thì mẹ bà P nói không có bán, chỉ có con bà P (tên T) nói là có bán hụi cho bà.

Dây 5: hụi 1.000.000 đồng khui ngày 30/7/2018 âl, hụi khui mỗi tháng 1 lần, hụi 29 hụi viên. Trong dây hụi này bà tham gia 01 phần, hụi đã khui được 19 tháng, bà đóng được số tiền là 12.150.000 đồng và mua 01 phần với số tiền 16.750.000 đồng của hụi viên tên P (em chồng bà P). Do tin tưởng bà P nên bà mua mà không kiểm tra ngay lúc đó, đến khi bà P ngưng khui hụi bà có tìm gặp P thì anh P nói không biết và không có bán hụi gì cho bà hết. Như vậy bà P đã lừa bà để chiếm đoạt tiền của bà.

Tổng số tiền 05 dây hụi mà bà đã đóng và mua là 92.350.000 đồng. Các dây hụi này bà P đã tự ý hốt hụi mà không được sự đồng ý của bà và cũng không giao hụi gì cho bà hết. Đến ngày 15/02/2020 âl, bà P và ông T không khui hụi nữa và tuyên bố vỡ hụi, vào ngày 15/3/2020 dương lịch, hụi viên có cuộc họp giải quyết tiền hụi, bà P đã thừa nhận sự việc. Sau đó bà P có trả cho bà được 13.250.000 đồng, hiện tại còn nợ lại 79.280.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà P và ông T liên đới trả cho bà số tiền còn thiếu là 79.280.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Kiều P trình bày:

Bà thừa nhận bà có làm chủ hụi các dây hụi như bà T trình bày bà T có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi là đúng. Số tiền chơi hụi bà cũng thống nhất, tuy nhiên số tiền bà còn thiếu bà T là 77.280.000 đồng, do có 2.000.000 đồng bà T còn nợ tiền hụi chết của bà nên bà chỉ đồng ý còn thiếu số tiền 77.280.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền này cho bà T mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ vì

hiện tại bà không có đi làm, không có công việc và thu nhập nên không có khả năng trả cho bà T nhiều hơn. Chồng bà bận đi làm nên không thể đến Tòa tham dự được. Chồng bà cũng không có liên quan gì nên số tiền này bà sẽ tự trả cho bà T.

Tại biên bản làm việc ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Tòa án đối với ông Phan Văn T và ông T có lời trình bày:

Ông là chồng của bà P, ông có biết việc bà P làm chủ các dây hụi. Việc làm chủ hụi của bà P đến nay đã gần 20 năm. Ông chỉ biết bà P làm chủ hụi, còn việc tiền hụi, dây hụi với các hụi viên cụ thể như thế nào thì ông không biết. Ông với bà P vẫn còn sống chung, ông bà đều bận đi làm, tối mới về nhà.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền là 77.280.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ tranh chấp giữa bà Võ Thị Thu T và bà Trần Thị Kiều P là tranh chấp hợp đồng góp hụi. Bị đơn bà P cư trú tại xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt phù hợp theo quy định tại khoản 1, điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn bà P cùng chồng là ông Phan Văn T trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hui là 77.280.000đồng; chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản photo " danh sách hụi viên và giấy mua hụi" . Xét thấy, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà P thừa nhận bà T có tham gia chơi 05 dây hụi và mua 03 phần hụi, hiện tại còn thiếu bà T số tiền 77.280.000đồng và chưa trả số tiền này cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà P phải trả số tiền 77.280.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ông Phan Văn T và bà Trần Thị Kiều P là vợ chồng hợp pháp, Bà P làm chủ hụi và chơi hụi tại xã P thời gian dài, ông T có biết. Do đó, cần buộc ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà P trả số nợ này cho bà T là phù hợp điều 27 luật Hôn nhân-gia đình năm 2014.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà P và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 3.864.000đồng.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 luật Hôn nhân-Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4, Điều 15, 18, 21, 22, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Buộc bà Trần Thị Kiều P và ông Phan Văn T chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị Thu T số tiền 77.2800.000đ (bảy mươi bảy triệu hai trăm tám chục nghìn đồng).

2- Án phí dân sự sơ thẩm: bà P và ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.864.000 (ba triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) đồng và còn phải nộp số tiền này.

Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.980.000 (một triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số của 0000972 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thị Tiến